

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.740.120.113.281	2.512.342.753.056
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	631.264.127.070	545.259.172.383
1. Tiền	111		586.843.625.450	485.701.303.321
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.420.501.620	59.557.869.062
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		534.553.629.979	542.534.945.816
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	645.791.702.667	640.308.091.599
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(111.238.072.688)	(97.773.145.783)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.292.360.865.863	1.174.144.666.762
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	311.872.882.960	295.671.234.058
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	273.660.215.735	192.253.054.533
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	722.948.824.376	702.341.435.380
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.121.057.208)	(16.121.057.208)
IV. Hàng tồn kho	140		90.186.020.749	87.640.775.548
1. Hàng tồn kho	141	V.7	90.186.020.749	87.640.775.548
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		191.755.469.620	162.763.192.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	37.932.519.797	18.668.417.509
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.728.680.386	13.736.445.093
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	15.413.157.014	15.797.479.286
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	124.681.112.424	114.560.850.659

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.339.325.128.617	4.310.059.898.025
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		77.000.000.000	81.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.11	77.000.000.000	81.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		1.865.677.358.302	1.976.998.421.444
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.675.417.961.584	1.745.499.033.254
<i>Nguyên giá</i>	222		2.799.706.728.167	2.833.228.491.625
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.124.288.766.583)	(1.087.729.458.371)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	45.642.552.667	88.531.898.139
<i>Nguyên giá</i>	228		54.282.595.175	96.686.661.250
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.640.042.508)	(8.154.763.111)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	144.616.844.051	142.967.490.051
III. Bất động sản đầu tư	240	V.15	224.337.006.757	227.310.035.803
<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	279.448.439.795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(55.111.433.038)	(52.138.403.992)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.806.459.790.113	1.646.655.521.937
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	1.404.937.757.846	1.402.796.608.559
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	453.408.943.094	297.811.943.094
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(51.886.910.827)	(53.953.029.717)
V. Tài sản dài hạn khác	260		113.739.214.938	117.635.872.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	105.318.967.539	106.231.656.042
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.20	3.941.692.861	3.941.692.861
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	4.478.554.538	7.462.523.627
VI. Lợi thế thương mại	269	V.22	252.111.758.507	260.460.046.312
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.079.445.241.898	6.822.402.651.082

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.298.995.787.158	2.190.903.332.430
I. Nợ ngắn hạn	310		1.083.805.023.403	1.098.964.794.402
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	510.801.893.817	491.784.589.720
2. Phải trả người bán	312	V.24	306.917.349.395	255.834.078.052
3. Người mua trả tiền trước	313	V.25	32.775.640.142	19.508.885.738
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.26	15.159.439.457	14.687.305.383
5. Phải trả người lao động	315	V.27	14.901.729.504	26.025.619.626
6. Chi phí phải trả	316	V.28	82.819.745.402	60.477.730.885
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.29	118.298.638.345	218.017.279.777
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.574.934.213	1.574.934.213
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.30	555.653.128	11.054.371.008
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.215.190.763.755	1.091.938.538.028
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.31	21.576.850.806	21.145.684.163
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.32	908.454.200.370	759.629.038.217
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		28.998.070.192	29.557.646.064
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.33	256.161.642.387	281.606.169.584
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.537.452.276.568	4.393.531.507.651
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.537.452.276.568	4.393.531.507.651
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	1.127.307.090.000	1.094.473.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.34	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.34	(11.972.419.067)	22.725.336.908

Cho quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.34	4.511.710.559	4.511.710.559
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	29.429.404.912	29.429.404.912
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.34	31.634.254.625	32.384.254.625
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.34	813.269.985.237	666.735.460.345
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.35	242.997.178.172	237.967.811.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.079.445.241.898	6.822.402.651.082
			0	0

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2013



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2013

	Chỉ tiêu	Quý 1		Tích lũy từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	566.244.086.582	615.647.864.367	566.244.086.582	615.647.864.367
2	Các khoản giảm trừ	468.290.491	816.438.999	468.290.491	816.438.999
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	565.775.796.091	614.831.425.368	565.775.796.091	614.831.425.368
4	Giá vốn hàng bán	489.025.838.494	536.628.393.120	489.025.838.494	536.628.393.120
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	76.749.957.597	78.203.032.248	76.749.957.597	78.203.032.248
6	Doanh thu hoạt động tài chính	186.552.082.352	54.517.823.934	186.552.082.352	54.517.823.934
7	Chi phí tài chính	47.776.819.163	29.862.091.300	47.776.819.163	29.862.091.300
	Trong đó :			-	-
	- Chi phí lãi vay	29.885.219.097	39.958.511.732	29.885.219.097	39.958.511.732
8	Chi phí bán hàng	5.655.159.519	4.598.377.443	5.655.159.519	4.598.377.443
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	61.061.527.870	55.914.090.114	61.061.527.870	55.914.090.114
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	148.808.533.397	42.346.297.324	148.808.533.397	42.346.297.324
11	Thu nhập khác	8.680.662.284	916.235.161	8.680.662.284	916.235.161
12	Chi phí khác	1.397.585.253	703.298.151	1.397.585.253	703.298.151
13	Lợi nhuận khác	7.283.077.031	212.937.010	7.283.077.031	212.937.010
14	Lợi nhuận trước thuế	156.091.610.428	42.559.234.334	156.091.610.428	42.559.234.334
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.527.718.364	3.555.401.476	4.527.718.364	3.555.401.476
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	151.563.892.064	39.003.832.858	151.563.892.064	39.003.832.858
17.1	Lợi ích cổ đông thiểu số	5.029.367.172	1.883.489.152	5.029.367.172	1.883.489.152
17.2	Lợi nhuận Công ty Mẹ Gemadept	146.534.524.892	37.120.343.706	146.534.524.892	37.120.343.706
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.334	339	1.334	339

T.p Hồ Chí Minh, Ngày 07 tháng 05 năm 2013

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Tích lũy từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	156.091.610.428	42.559.234.334
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	48.365.904.460	56.879.031.354
- Các khoản dự phòng	03	11.398.808.016	(95.567.765.227)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4.958.781.874	(17.137.432.483)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(168.290.232.702)	(38.402.513.498)
- Chi phí lãi vay	06	29.885.219.097	39.958.511.732
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	82.410.091.173	(11.710.933.788)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(56.987.975.637)	(8.678.615.707)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.545.245.201)	(10.808.474.844)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	67.931.689.431	60.511.308.499
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(18.351.413.784)	2.927.159.439
- Tiền lãi vay đã trả	13	(22.530.208.086)	(38.649.837.786)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.468.919.351)	(6.470.463.577)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	28.943.191.240	49.100.110.150
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(65.619.845.206)	(23.450.005.712)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.781.364.578	12.770.246.674
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.591.083.799)	(42.008.299.945)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	6.964.648.551	860.620.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.400.000.000)	(70.883.838.990)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	264.283.070.891
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(219.403.180.000)	(42.324.002.811)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	36.060.929.000	3.848.541.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	186.795.717.246	43.455.771.916
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.427.030.998	157.231.862.061



Cho quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Tích lũy đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	32.834.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(3.743.651.754)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	331.323.673.086	419.917.282.835
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(284.334.348.180)	(406.223.843.709)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.283.114.041)	-
		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	71.796.559.111	13.693.439.126
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	86.004.954.687	183.695.547.861
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	545.259.172.383	516.375.213.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	631.264.127.070	700.070.760.956

T.p Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2013



Trương Như Nguyên
 Người lập biểu




Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Gemadept (Công ty mẹ) và báo cáo tài chính của các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, bất động sản và trồng rừng.
3. **Ngành nghề kinh doanh**

Tập đoàn Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Germalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. **Tổng số các công ty con** : 19
- Trong đó:**
- Số lượng các công ty con được hợp nhất** : 19

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Gemadep (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100,00 %	100,00 %
Gemadep (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	78,60 %	78,60 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadep	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70,00 %	70,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	55,00 %	55,00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen-Gemadep	Số 05-07 đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadep	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadep	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50,00 %	50,00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng	619B + 620 + 621, tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Business Center, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46,00 %	54,00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99,98 %	99,98 %
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Lầu 2, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên Logistic Biển Sáng	Lầu 20, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Lầu 19 tòa nhà Gemadept, số 2 Bis - 4 - 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100,00%	100,00%

(*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45,00%	45,00%
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26,78%	26,78%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,02%	38,02%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	29,43%	29,43%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25,00%	25,00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung,	26,56%	26,56%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Golden Globe	phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.		
	Bản Sibunhuong, quận Chanthabouly, Thủ đô Viengchan, Lào.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đường Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng.	35,00%	35,00%

7. Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên cơ sở kinh doanh</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	65,12 %	50%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 75%. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển 25% cổ phiếu đầu tư trong công ty này sang một đối tác khác. Điều này làm cho tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 50 %. Mặt khác Điều lệ của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được xem là khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 1 năm 2013 của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và kết thúc 31 tháng 03 năm 2013.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Giá trị hợp lý thuần của các tài sản và nợ phải trả được xác định bằng giá trị sổ sách. Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Gemadept tin tưởng rằng giá trị sổ sách sẽ không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị hợp lý của chúng.

8. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng của các khoản mục trên kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

10. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

11. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

12. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, và đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

18. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe,...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 02 năm theo phương pháp đường thẳng.

Các chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

19. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

20. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

21. Các khoản dự phòng phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

22. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

23. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

24. Trích lập các quỹ

Các quỹ của các Công ty trong Tập Đoàn được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm. Tỷ lệ trích lập theo quy định cụ thể của từng Công ty.

	Mục đích
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn...; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Bổ sung vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
• Quỹ Hội đồng Quản trị	Trả thù lao và phục vụ cho các hoạt động của HĐQT

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

26. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2012 :	20.828 VND/USD
	16.866 VND/SGD
	6.846 VND/RM
31/03/2013 :	20.920 VND/USD
	16.783 VND/SGD
	6.826 VND/RM

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

28. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.12.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	26.839.082.086	23.966.803.460
Tiền gửi ngân hàng	552.604.566.594	459.710.259.682
Tiền đang chuyển	7.399.976.770	2.024.240.180
Các khoản tương đương tiền (*)	44.420.501.620	59.557.869.062
Cộng	631.264.127.070	545.259.172.383

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	160.621.867.330	157.471.867.330
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link (xem thuyết minh V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	2.769.835.337	436.224.269
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	2.769.835.337	436.224.269
- Các khoản cho vay	-	-
Cộng	645.791.702.667	640.308.091.599

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	97.773.145.783
Trích lập dự phòng	13.464.926.905
Số cuối năm	111.238.072.688

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	106.221.659.618	119.955.355.978
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	10.019.356.800	4.675.662.369
Công ty TNHH một thành viên logictic Biển Sáng	21.297.679	438.361.922
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	2.427.600.005	3.329.682.174
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	19.993.373.078	15.379.801.812
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	48.288.466.199	55.211.865.883
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	78.240.390.948	52.953.375.811
Tại Công ty TNHH ISS – Gemadept	1.862.032.531	1.374.438.107
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	5.021.898.639	4.591.369.791
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	21.286.583.826	17.576.991.984
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	539.457.890	287.863.490
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	17.250.690.037	19.831.165.766
Tại Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	81.909.900	6.000.000
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	570.000.000	-
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	48.165.810	59.298.971
Cộng	311.872.882.960	295.671.234.058

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	46.822.557.030	49.193.243.351
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	168.000.000	88.880.000
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	22.000.000	22.000.000
Tại Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	28.000.000	-
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	33.269.457.409	34.847.122.505
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	113.148.706.082	47.908.664.568
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế	2.314.947.576	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoa Sen – Gemadept		2.314.947.576
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	6.001.524.582	5.746.902.536
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	12.390.751.276	884.772.068
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	59.363.859.181	49.971.859.181
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	130.412.599	1.274.662.748
Cộng	273.660.215.735	192.253.054.533
6. Các khoản phải thu khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	23.630.222.241	23.886.465.832
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	541.554.601.859	552.503.378.041
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.278.035.506
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	-	3.625.808.944
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.200.000.000
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	-	383.613
Các khoản phải thu khác	154.764.000.276	115.847.363.444
Cộng	722.948.824.376	702.341.435.380
7. Hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	5.463.426.683	5.956.847.436
Nhiên liệu tồn trên tàu	23.466.472.163	20.236.385.857
Công cụ dụng cụ	482.343.880	482.343.880
Phụ tùng thay thế	13.790.854.357	15.440.830.479
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.982.923.666	45.524.367.896
Cộng	90.186.020.749	87.640.775.548
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	10.534.766.271	8.766.409.547
Công cụ, dụng cụ	2.533.520.554	5.057.844.243
Chi phí bảo hiểm	1.001.233.594	1.680.544.918
Chi phí nhiên liệu	127.257.406	-
Các chi phí khác	23.735.741.972	3.163.618.801
Cộng	37.932.519.797	18.668.417.509
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	15.413.157.014	15.797.479.286
Cộng	15.413.157.014	15.797.479.286

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	50.672.604.283	40.810.955.907
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	74.007.938.891	73.741.295.934
Tài sản thiếu chờ xử lý	569.250	8.598.818
Cộng	<u>124.681.112.424</u>	<u>114.560.850.659</u>

11. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần Cảng Bình Dương - tiền cho mượn		3.000.000.000
Công ty cổ phần Hàng Hải Ngân Hà - tiền cho mượn	40.000.000.000	41.000.000.000
Cộng	<u>77.000.000.000</u>	<u>81.000.000.000</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	491.434.339.685	386.196.745.325	1.784.425.883.288	25.821.966.978	145.349.556.349	2.833.228.491.625
Tăng trong năm	31.751.360	852.546.000	1.588.169.517	304.451.582		2.776.918.459
Giảm trong năm	(25.848.394.391)	(3.791.557.631)	(6.530.399.694)	(125.854.481)	(2.475.720)	(36.298.681.917)
Số cuối qui	<u>465.617.696.654</u>	<u>383.257.733.694</u>	<u>1.779.483.653.111</u>	<u>26.000.564.079</u>	<u>145.347.080.629</u>	<u>2.799.706.728.167</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	95.050.038.501	196.849.376.203	764.222.071.615	21.511.278.460	10.096.693.591	1.087.729.458.370
Tăng trong năm	7.091.362.136	5.958.233.071	30.317.363.724	793.727.838	571.545.458	44.732.232.227
Giảm trong năm	(212.452.557)	(2.862.641.915)	(5.071.995.295)	(24.436.187)	(1.398.060)	(8.172.924.014)
Số cuối qui	<u>101.928.948.080</u>	<u>199.944.967.359</u>	<u>789.467.440.044</u>	<u>22.280.570.111</u>	<u>10.666.840.989</u>	<u>1.124.288.766.583</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	396.384.301.184	189.347.369.122	1.020.203.811.673	4.310.688.518	135.252.862.758	1.745.499.033.255
Số cuối qui	<u>363.688.748.574</u>	<u>183.312.766.335</u>	<u>990.016.213.067</u>	<u>3.719.993.968</u>	<u>134.680.239.640</u>	<u>1.675.417.961.584</u>

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản khác</u>	<u>Cộng</u>
--------------------------	--------------------------	---------------------	-------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	81.982.877.205	14.662.566.545	41.217.500	96.686.661.250
Tăng trong kỳ				
Giảm trong kỳ	(42.404.066.075)	-	-	(42.404.066.075)
Số cuối năm	39.578.811.130	14.662.566.545	41.217.500	54.282.595.175
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.977.470.504	6.136.075.107	41.217.500	8.154.763.111
Tăng trong kỳ	116.984.403	474.015.061	-	590.999.464
Giảm trong kỳ	(105.720.067)		-	(105.720.067)
Số cuối năm	1.988.734.840	6.610.090.168	41.217.500	8.640.042.508
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	80.005.406.701	8.526.491.438	-	88.531.898.139
Số cuối năm	37.590.076.290	8.052.476.377	-	45.642.552.667

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	40.961.615.601	133.085.455	(133.085.455)	40.961.615.601
XDCB dở dang	102.005.874.450	1.649.354.000		103.655.228.450
Tổng cộng	142.967.490.051	1.782.439.455	(133.085.455)	144.616.844.051

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	52.138.403.992	227.310.035.803
Khấu hao trong năm	-	2.973.029.046	-
Số cuối năm	279.448.439.795	55.111.433.038	224.337.006.757

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị thị trường của bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thu nhập từ việc cho thuê	21.824.569.126	19.844.044.338
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	6.964.556.911	6.710.361.478
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở, văn phòng làm việc	45.00%	45.251.014.491	45.00%	45.251.014.491
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26.78%	11.100.784.459	26.78%	11.100.784.459
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	-	-	34.00%	1.534.080.000
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	49.00%	5.404.158.692	-	-
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất nước khoáng	-	-	29.00%	38.968.368.277
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40.00%	17.363.736.461	40.00%	17.546.951.665
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38.02%	28.165.247.338	38.02%	28.299.302.338
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	29.43%	127.112.886.002	19.00%	71.702.813.908
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Dịch vụ vận tải	25.00%	22.618.695.968	25.00%	23.040.570.968
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	Dịch vụ vận tải	-	-	49.00%	15.220.622.462
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	26.56%	44.821.787.645	26.56%	45.669.197.145
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Dịch vụ logistics	49.00%	1.029.000.000	-	-
Công ty TNHH Golden Globe	Xây dựng, cho thuê văn phòng	40.00%	44.024.075.636	40.00%	43.478.595.636
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept- Terminal Link	Dịch vụ khai thác cảng	65.12%	953.046.371.154	65.12%	955.984.307.211
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Khai thác cảng	35.00%	105.000.000.000	-	105.000.000.000
Cộng			1.404.937.757.846		1.402.796.608.559

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	168.734.041.600	171.884.041.600
Đầu tư dài hạn khác	284.674.901.494	125.927.901.494
Cộng	453.408.943.094	297.811.943.094

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	46.770.271.239	47.990.971.240
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	5.116.639.588	5.962.058.477
Cộng	51.886.910.827	53.953.029.717

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.991.859.117	8.259.914.351
Chi phí sửa chữa	647.616.025	767.776.010
Chi phí dự án Trồng cao su	93.341.785.884	93.341.785.884
Chi phí trang trí nội thất	1.176.393.483	1.689.511.025

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí nạo vét bến phao	751.658.029	980.825.302
Các chi phí khác	4.409.655.001	1.191.843.470
Cộng	105.318.967.539	106.231.656.042

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	3.941.692.861
Phát sinh trong năm	-
Số cuối năm	3.941.692.861

21. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	336.229.509	3.858.712.599
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	824.400.000	832.360.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	3.317.925.029	2.771.451.028
Cộng	4.478.554.538	7.462.523.627

22. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng Quốc Tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

Nguyên giá

Số đầu năm	333.931.512.200
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-
Số cuối năm	333.931.512.200

Số đã phân bổ

Số đầu năm	73.471.465.888
Phân bổ trong năm	8.348.287.805
Số cuối năm	81.819.753.693

Giá trị còn lại

Số đầu năm	260.460.046.312
Số cuối năm	252.111.758.507

23. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	403.215.634.998	373.696.950.711
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	29.151.612.992	28.866.007.206
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	11.000.000.000	12.466.725.982

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	60.134.645.827	61.219.444.150
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	4.300.000.000	12.535.461.671
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	510.801.893.817	491.784.589.720

24. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	105.290.936.048	87.620.666.863
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	4.459.388.441	4.421.185.776
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	2.328.250.579	3.785.584.698
Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	4.020.651.906	1.595.000.352
Tại Công ty TNHH một thành viên logictic Biển Sáng	1.693.669.956	7.533.656.930
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	19.921.452.301	19.702.126.667
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	23.767.487	31.984.133
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	66.024.035.191	35.270.499.199
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	3.630.685.611	690.753.865
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	15.231.618.130	9.702.631.065
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	12.931.314.968	16.062.917.693
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	5.482.979.023	3.978.806.463
Tại Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	65.438.264.348	65.438.264.348
Tại Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	3.840.740	-
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	436.494.666	-
Cộng	306.917.349.395	255.834.078.052

25. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	5.771.295.405	2.513.433.385
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	184.448	12.908.077.176
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	325.921.392	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	1.830.499.254	71.380.769
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	9.577.220.328	1.049.534.000
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	-	2.913.618.132
Công ty TNHH một thành viên logictic Biển Sáng	911.296	880.972

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	10.761.095.457	-
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	3.456.543.961	-
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	1.000.000.000	-
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	51.968.601	51.961.304
Cộng	32.775.640.142	19.508.885.738

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	15.159.439.457	14.687.305.383
Cộng	15.159.439.457	14.687.305.383

27. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng, ... còn phải trả cho công nhân viên.

28. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	18.390.534.632	10.584.986.087
Chi phí luân chuyển hàng hoá	7.478.073.364	3.062.337.052
Cước lai đất	2.320.014.547	388.537.273
Chi phí sửa chữa	445.628.886	114.826.712
Chi phí phải trả cho dự án trồng cao su	31.362.760.743	31.362.760.743
Tiền thưởng		100.166.000
Chi phí hoa hồng	1.166.026.435	692.952.472
Chi phí khác	21.656.706.795	14.171.164.546
Cộng	82.819.745.402	60.477.730.885

29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.413.983.646	4.449.154.994
Cổ tức phải trả	10.019.905.910	2.533.507.605
Nhận ký quỹ, ký cược	4.957.899.326	4.653.278.481
Doanh thu chưa thực hiện	3.890.306.779	4.003.501.857
Tài sản thừa chờ xử lý	-	41.354.000
Các khoản phải trả khác	98.016.542.684	202.336.482.840
- Các khoản thu hộ phải trả	13.990.853.520	11.459.382.371
- Tiền bán hàng cảng biển phải trả ngân sách	1.716.241.909	1.716.241.909
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link - tiền mượn	-	120.853.141.332
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Khoản phải trả của các công ty liên kết, hợp	-	9.405.713.304

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>tác</i>		
- Phải trả về dịch vụ làm đại lý	22.927.268.401	30.464.744.628
- Các khoản phải trả khác	50.117.500.277	19.172.580.719
Cộng	118.298.638.345	218.017.279.777
30. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.		
31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	11.054.371.008	
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	
Tăng khác	-	
Chí quỹ	(10.498.717.880)	
Số cuối năm	555.653.128	
32. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.		
33. Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh		
34. Vay và nợ dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	613.627.542.858	453.888.742.858
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	75.585.967.669	82.061.961.516
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	216.000.000.000	216.000.000.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	3.240.689.843	7.678.333.843
Cộng	908.454.200.370	759.629.038.217
35. Doanh thu chưa thực hiện		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	256.082.884.137	257.536.706.662
Doanh thu chưa thực hiện	78.758.250	24.069.462.922
Cộng	256.161.642.387	281.606.169.584
36. Vốn chủ sở hữu		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.127.307.090.000	1.094.473.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	71.797.775.902

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(11.972.419.067)	22.725.336.908
Quỹ đầu tư phát triển	4.511.710.559	4.511.710.559
Quỹ dự phòng tài chính	29.429.404.912	29.429.404.912
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	31.634.254.625	32.384.254.625
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	813.269.985.237	666.735.460.345

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.730.709	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	112.730.709	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	112.730.709	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Tổng doanh thu	566.244.086.582	615.647.864.367
- Doanh thu hoạt động khai thác cảng	156.303.545.884	179.782.775.610
- Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý	388.115.971.572	416.021.044.419
- Doanh thu cho thuê văn phòng	21.824.569.126	19.844.044.338
Các khoản giảm trừ (giảm giá hàng bán)	468.290.491	816.438.999
Doanh thu thuần	565.775.796.091	614.831.425.368

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	116.192.782.593	134.347.394.330
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	365.868.498.990	395.570.637.312
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	6.964.556.911	6.710.361.478
Cộng	489.025.838.494	536.628.393.120

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Lãi đầu tư chứng khoán		1.788.027.391
Lãi tiền gửi ngân hàng	905.549.669	11.370.347.662
Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi góp vốn liên doanh liên kết	15.699.568.297	26.029.455.814
Lãi chênh lệch tỷ giá	(1.093.129.701)	15.055.591.241
Doanh thu hoạt động tài chính khác	171.040.094.087	274.401.826

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Cộng	<u>186.552.082.352</u>	<u>54.517.823.934</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Chi phí lãi vay	29.885.219.097	39.958.511.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.624.055.313	6.191.738.524
Lỗ đầu tư chứng khoán		73.551.341.713
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	10.699.888.789	(89.863.841.423)
Chi phí tài chính khác	567.655.964	24.340.754
Cộng	<u>47.776.819.163</u>	<u>29.862.091.300</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.098.659	553.656.336
Chi phí khác	5.578.060.860	4.044.721.107
Cộng	<u>5.655.159.519</u>	<u>4.598.377.443</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Chi phí lương nhân viên quản lý	26.600.189.050	21.566.514.910
Chi phí vật liệu	609.489.993	325.260.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.498.536.328	2.611.708.667
Phân bổ lợi thế thương mại	9.934.842.509	9.969.550.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.605.754.061	11.141.947.108
Chi phí khác	10.812.715.929	10.299.107.648
Cộng	<u>61.061.527.870</u>	<u>55.914.090.114</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.757.957.787	455.109.091
Thu nhập khác	922.704.497	461.126.070
Cộng	<u>8.680.662.284</u>	<u>916.235.161</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	85.025.289	-
Chi phí khác	1.312.559.964	703.298.151
Cộng	<u>1.397.585.253</u>	<u>703.298.151</u>
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	146.534.524.892	37.120.343.706
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	146.534.524.892	37.120.343.706
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	109.812.131	109.447.309
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.334	339

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.470.293.418	135.323.913.614
Chi phí nhân công	68.883.905.951	65.150.219.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.406.436.984	51.432.145.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.394.699.460	295.507.693.485
Chi phí khác	38.652.347.561	39.757.337.618
Cộng	545.807.683.374	587.171.309.873

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Công ty liên doanh đồng kiểm soát

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Công ty MBN - GMD Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	894.545.417	-
Chuyển tiền góp vốn	5.110.700.000	-
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	93.893.618	187.750.891
Góp vốn đầu tư	55.000.000.000	-
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept -		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Terminal Link		
Vay ngắn hạn	-	94.130.000.173
Doanh thu cho thuê văn phòng	563.566.641	683.574.075
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Góp vốn đầu tư	-	5.250.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Phải thu khách hàng	534.143.500	534.143.500
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Phải thu khách hàng	-	14.065.788
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Cho mượn		8.700.000.000
Cộng nợ phải thu	834.143.500	9.548.209.288

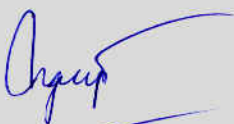
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn

Phải trả nhà cung cấp	1.505.000	-
-----------------------	-----------	---

Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link

Mượn tiền	-	120.853.141.332
Vay ngắn hạn	224.983.141.516	103.086.206.944
Công nợ phải trả	224.984.646.516	223.939.348.276

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2013


Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởngĐỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc